

**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 38/2005/TT-BTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2005***THÔNG TƯ****Hướng dẫn trình tự, thủ tục, xử lý tài chính khi thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ty nhà nước**

Thực hiện Nghị định số 180/2004/NĐ-CP ngày 28/10/2004 của Chính phủ về thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ty nhà nước;

Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục xử lý tài chính khi thành lập mới, tổ chức lại, giải thể công ty nhà nước như sau:

**I. VỐN ĐIỀU LỆ THÀNH LẬP MỚI CÔNG TY NHÀ NƯỚC**

Khi xây dựng đề án thành lập mới công ty nhà nước, người đề nghị thành lập phải thống nhất với Bộ Tài chính về dự kiến mức vốn điều lệ của công ty nhà nước, tiến độ đầu tư vốn, nguồn vốn và các giải pháp hình thành vốn điều lệ.

Mức vốn điều lệ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 180/2004/NĐ-CP ngày 28/10/2004 của Chính phủ về thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ty

nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 180/2004/NĐ-CP).

Phương pháp xác định vốn điều lệ, thời gian đầu tư vốn điều lệ cho công ty nhà nước mới thành lập theo quy định tại Điều 6 Quy chế quản lý tài chính công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế tài chính kèm theo Nghị định số 199/2004/NĐ-CP).

**II. XỬ LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP SÁP NHẬP, HỢP NHẤT CÔNG TY NHÀ NƯỚC**

1. Điều kiện sáp nhập, hợp nhất công ty nhà nước theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 180/2004/NĐ-CP. Không sáp nhập, hợp nhất công ty nhà nước kinh doanh thua lỗ mất hết vốn nhà nước vào công ty nhà nước khác.

2. Hồ sơ đề nghị sáp nhập, hợp nhất công ty theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 180/2004/NĐ-CP.

3. Kiểm kê, phân loại tài sản và xử lý tài chính khi sáp nhập, hợp nhất công ty nhà nước.

Trong thời gian 30 ngày sau khi có quyết định sáp nhập, hợp nhất; công ty bị sáp nhập, các công ty bị hợp nhất có trách nhiệm khóa sổ kế toán; tổ chức kiểm kê, phân loại tài sản công ty đang quản lý, sử dụng và lập báo cáo tài chính ở thời điểm sáp nhập, hợp nhất:

3.1. Kiểm kê xác định số lượng, chất lượng và giá trị tài sản thực tế công ty đang quản lý và sử dụng; phân loại tài sản đã kiểm kê theo các nhóm sau:

- + Tài sản cần dùng.
- + Tài sản không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý.
- + Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).
- + Tài sản thuê ngoài, vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán hộ, nhận ký gửi.

3.2. Xác định tài sản thừa, thiếu so với sổ kế toán và xử lý như sau:

- Đối với tài sản thiếu, hao hụt, mất mát phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý bồi thường theo quy định của pháp luật. Giám đốc công ty bị sáp nhập, công ty bị

hợp nhất quyết định mức bồi thường. Đối với tài sản hao hụt, mất mát có mua bảo hiểm phải làm việc với cơ quan bảo hiểm để xác định mức bồi thường. Khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản thiếu hụt và số tiền bồi thường được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính, nếu không đủ hạch toán vào kết quả kinh doanh của công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất.

- Đối với giá trị tài sản thừa nếu không xác định được nguyên nhân và không tìm được chủ sở hữu thì hạch toán vào kết quả kinh doanh của công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất.

3.3. Lập danh sách các chủ nợ, khách nợ, đối chiếu, xác nhận và phân loại các khoản nợ phải thu, nợ phải trả, lập bản kê chi tiết đối với từng loại công nợ theo quy định sau:

- Nợ phải thu: xác định nợ phải thu có khả năng thu hồi, nợ phải thu không có khả năng thu hồi và xử lý theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 69/2002/NĐ-CP ngày 12/7/2002 của Chính phủ về quản lý và xử lý nợ tồn đọng đối với doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 85/2002/TT-BTC ngày 26/9/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2002/NĐ-CP ngày 12/7/2002 của Chính phủ.

Đối với khoản nợ không có khả năng thu hồi phải xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý bồi thường. Giám đốc công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất quyết định

mức bồi thường. Chênh lệch giữa giá trị nợ phải thu không có khả năng thu hồi với tiền bồi thường được bù đắp bằng dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính, nếu thiếu hạch toán vào kết quả kinh doanh của công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất.

- Nợ phải trả: xác định các khoản nợ phải trả trong hạn, nợ phải trả đã quá hạn trả, các khoản nợ phải trả nhưng không phải trả.

Đối với nợ phải trả nhưng không phải trả hạch toán vào kết quả kinh doanh của công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất.

4. Lập Báo cáo tài chính, quyết toán thuế với cơ quan thuế tại thời điểm sáp nhập, hợp nhất theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Nếu công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất không thực hiện việc kiểm kê, phân loại tài sản, đối chiếu xác nhận công nợ, không lập báo cáo tài chính, quyết toán thuế để trì hoãn hoặc kéo dài thời gian bàn giao dẫn đến làm tổn thất tài sản của công ty hoặc gây khó khăn cho điều hành và hoạt động của công ty nhận sáp nhập, công ty hợp nhất thì giám đốc công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những tổn thất gây ra.

6. Bàn giao và tiếp nhận:

6.1. Trong thời gian 45 ngày kể từ

ngày có quyết định sáp nhập, hợp nhất, công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất phải bàn giao đầy đủ, nguyên trạng tài sản, vốn, công nợ, quyền sử dụng đất, các hợp đồng kinh tế, các quyền và nghĩa vụ khác cho công ty nhận sáp nhập, công ty hợp nhất kèm theo hồ sơ, chứng từ có liên quan.

6.2. Trong thời gian chưa bàn giao, công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất có trách nhiệm quản lý toàn bộ tài sản, tiền vốn của công ty, không để hư hỏng, hao hụt, mất mát. Giám đốc và các cá nhân liên quan của công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hao hụt, mất mát tài sản, tiền vốn trong thời gian chưa bàn giao.

6.3. Việc giao nhận phải lập biên bản có đầy đủ chữ ký của Giám đốc và kế toán trưởng của công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất; công ty nhận sáp nhập, công ty hợp nhất.

Mọi vấn đề tồn tại chưa xử lý trước khi bàn giao phải ghi rõ tại biên bản bàn giao.

Sau khi bàn giao, Giám đốc, kế toán trưởng và người có liên quan của công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất tiếp tục chịu trách nhiệm liên đới đối với những tài sản kém phẩm chất, tài sản không cần dùng, nợ phải thu khó đòi đã bàn giao.

7. Trình tự, thủ tục tăng vốn nhà nước của công ty nhận sáp nhập, tiếp nhận vốn nhà nước giao đối với công ty hợp nhất thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy chế tài chính kèm theo Nghị định số 199/2004/NĐ-CP.

8. Sau khi nhận bàn giao: công ty nhận sáp nhập, công ty hợp nhất có trách nhiệm tiếp tục xử lý các tồn tại về tài chính của công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất (phát sinh trước thời điểm có quyết định sáp nhập) chưa được xử lý theo Quy chế tài chính kèm theo Nghị định số 199/2004/NĐ-CP.

Sau khi nhận bàn giao, công ty nhận sáp nhập, công ty hợp nhất có quyền và trách nhiệm tiếp nhận và kế thừa toàn bộ tài sản (kể cả tài sản hư hỏng kém phẩm chất, không cần dùng, chờ thanh lý), các khoản công nợ phải thu (kể cả nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã xử lý xóa sổ ghi ngoài bảng cân đối kế toán), các khoản nợ phải trả, các khoản lỗ lũy kế, hợp đồng lao động và nghĩa vụ khác của công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất.

9. Lưu trữ tài liệu kế toán của công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất: công ty nhận sáp nhập, công ty hợp nhất có trách nhiệm tiếp nhận và lưu trữ tài liệu kế toán của công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất bàn giao. Việc lưu trữ tài liệu kế toán thực hiện theo quy định về pháp luật kế toán.

### III. XỬ LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHIA CÔNG TY NHÀ NƯỚC

1. Điều kiện chia công ty nhà nước theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 180/2004/NĐ-CP. Các công ty được chia phải bảo đảm đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị định số 180/2004/NĐ-CP và vẫn có thể tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường.

2. Hồ sơ đề nghị chia công ty theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 180/2004/NĐ-CP.

3. Kiểm kê, phân loại tài sản; xử lý tài chính, lập báo cáo tài chính, quyết toán thuế ở thời điểm chia công ty; bàn giao và tiếp nhận theo quy định tại điểm 3, 4, 5, 6, Mục II Thông tư này.

4. Công ty bị chia lập phương án chia tài sản, công nợ của công ty cho các công ty được chia trình người quyết định thành lập công ty quyết định theo nội dung sau:

4.1. Chia toàn bộ tài sản của công ty bị chia cho các công ty được chia bao gồm: tài sản hữu hình, vô hình, các khoản đầu tư ra ngoài công ty, hàng hóa tồn kho, nợ phải thu, đất đai và các tài sản khác.

4.2. Chia toàn bộ nợ phải trả của công ty bị chia cho các công ty được chia theo nguyên tắc: nợ phát sinh ở bộ phận nào thì công ty được chia tiếp nhận nợ ở bộ phận ấy và tiếp tục chịu trách nhiệm

thanh toán nhưng tổng giá trị nợ phải trả tương ứng với tỷ trọng giá trị tài sản đã nhận.

4.3. Lãi, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu khác chia cho các công ty được chia theo tỷ trọng giá trị tài sản đã nhận.

4.4. Các công ty được chia tiếp tục kế thừa quyền và trách nhiệm của công ty bị chia theo tỷ trọng giá trị tài sản đã nhận.

5. Trình tự, thủ tục giảm vốn nhà nước đối với công ty bị chia, tiếp nhận vốn nhà nước đối với công ty được chia thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Quy chế tài chính kèm theo Nghị định số 199/2004/NĐ-CP.

#### IV. XỬ LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP TÁCH CÔNG TY NHÀ NƯỚC

1. Điều kiện tách công ty nhà nước theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 180/2004/NĐ-CP. Các công ty được tách phải bảo đảm đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị định số 180/2004/NĐ-CP và vẫn có thể tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường.

2. Hồ sơ đề nghị tách công ty theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 180/2004/NĐ-CP.

3. Kiểm kê, phân loại tài sản; xử lý tài chính, lập báo cáo tài chính, quyết toán thuế ở thời điểm tách công ty; bàn giao

và tiếp nhận theo quy định tại điểm 3, 4, 5, 6, Mục II Thông tư này.

4. Công ty bị tách lập phương án, trình người quyết định thành lập công ty bị tách quyết định theo nội dung sau:

4.1. Tách bộ phận hạch toán phụ thuộc công ty: trên cơ sở tài sản, nợ phải thu của bộ phận hạch toán phụ thuộc, người quyết định thành lập công ty bị tách quyết định phân chia các khoản nợ phải trả và vốn chủ sở hữu cho công ty được tách.

4.2. Tách bộ phận công ty chưa phân cấp hạch toán phụ thuộc thực hiện theo quy định tại điểm 4, Mục III Thông tư này.

5. Trình tự, thủ tục giảm vốn nhà nước đối với công ty bị tách, tiếp nhận vốn nhà nước đối với công ty được tách thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy chế tài chính kèm theo Nghị định số 199/2004/NĐ-CP.

#### V. XỬ LÝ TÀI CHÍNH KHI GIẢI THỂ CÔNG TY NHÀ NƯỚC

1. Công ty thuộc đối tượng xem xét giải thể theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 180/2004/NĐ-CP.

Không thực hiện giải thể đối với các công ty nhà nước kinh doanh thua lỗ đã mất hết vốn nhà nước, công ty đã lâm vào tình trạng phá sản.

2. Trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, công ty bị giải thể có trách nhiệm kiểm kê, xử lý tài sản, công nợ; lập báo cáo tài chính và thực hiện bàn giao cho Hội đồng giải thể theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 180/2004/NĐ-CP.

### 3. Ban Thanh lý:

3.1. Ban Thanh lý do người quyết định giải thể công ty thành lập để giúp việc Hội đồng giải thể bao gồm:

Giám đốc công ty bị giải thể hoặc người được người quyết định giải thể công ty chỉ định làm Trưởng ban.

- Thành viên của Ban Thanh lý gồm có:

+ Kế toán trưởng công ty hoặc người phụ trách công tác kế toán.

+ Đại diện công đoàn của công ty.

+ Đại diện cơ quan tài chính doanh nghiệp: Cục Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính) đối với doanh nghiệp Trung ương; Sở Tài chính đối với doanh nghiệp địa phương.

+ Một số cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của công ty bị giải thể do Hội đồng giải thể công ty lựa chọn.

- Một số chuyên gia (nếu cần) do Hội đồng giải thể công ty mời.

3.2. Ban Thanh lý có trách nhiệm giúp Hội đồng giải thể thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng phương án giải thể công ty và phương án xử lý lao động dôi dư báo cáo Hội đồng giải thể xem xét trình người quyết định giải thể quyết định.

b) Chỉ đạo, phối hợp với công ty giải thể tổ chức thực hiện kiểm kê, xử lý tài sản, công nợ, lập báo cáo tài chính để bàn giao cho Hội đồng giải thể trong thời gian 30 ngày kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực.

c) Thực hiện phương án giải thể đã được cấp có thẩm quyền duyệt:

+ Rà soát lại danh sách chủ nợ, khách nợ;

+ Tổ chức thu hồi nợ;

+ Tổ chức thanh lý, nhượng bán tài sản, nợ phải thu của công ty;

+ Thanh toán các khoản nợ phải trả cho các chủ nợ theo nguyên tắc quy định tại điểm 8 Mục này.

+ Thanh lý các hợp đồng kinh tế đang dở dang. Trường hợp các hợp đồng đang thực hiện dở dang có thể hoàn thành trong thời gian giải thể mà không ảnh hưởng tới việc thanh lý, xử lý tài sản thì Ban Thanh lý tiếp tục tổ chức thực hiện các hợp đồng này.

d) Tổ chức chi trả trợ cấp và giải quyết các chính sách cho người lao động trong công ty. Quyết toán chi trả trợ cấp theo quy định của nhà nước.

e) Định kỳ hàng tháng báo cáo Hội

đồng giải thể tiến độ thực hiện giải thể công ty và đề xuất những biện pháp để đảm bảo tiến độ giải thể công ty. Khi phát sinh những vấn đề ngoài phương án giải thể phải báo cáo với Hội đồng giải thể để xin ý kiến trước khi thực hiện.

f) Lập báo cáo kết quả thanh lý và nộp số tiền thừa sau khi thanh toán cho các chủ nợ vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

3.3. Ban thanh lý nếu vi phạm các vấn đề sau đây thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu làm thiệt hại tài sản thì phải bồi thường:

- Lập danh sách chủ nợ và số nợ không đúng, không có căn cứ;
- Tổ chức bán đấu giá không đúng quy định của pháp luật;
- Phân chia, xử lý tài sản của công ty bị giải thể không đúng phương án đã được duyệt, không đúng trình tự ưu tiên, thanh toán cho các chủ nợ không công bằng;
- Sử dụng trái phép tài sản của công ty bị giải thể;
- Không thực hiện các biện pháp bảo vệ dẫn đến thất thoát tài sản của công ty bị giải thể;
- Lập báo cáo tài chính khi kết thúc giải thể công ty không đúng sự thật;
- Từ bỏ nhiệm vụ hoặc thực hiện nhiệm

vụ không đầy đủ làm khó khăn cho hoạt động thanh lý hoặc thất thoát tài sản của công ty bị giải thể.

3.4. Khi chưa hoàn thành việc giải thể công ty, Giám đốc và Kế toán trưởng công ty bị giải thể chưa được chuyển công tác.

#### 4. Phương án giải thể công ty:

a) Trong thời gian 40 (bốn mươi) ngày kể từ ngày quyết định giải thể công ty có hiệu lực, Ban Thanh lý phải lập xong phương án giải thể công ty (bao gồm cả phương án xử lý tài chính, phương án sắp xếp lao động), báo cáo Hội đồng giải thể trình người quyết định giải thể công ty phê duyệt.

b) Nội dung chủ yếu của phương án giải thể công ty theo quy định tại phụ lục kèm theo Thông tư này.

#### 5. Xử lý tài chính khi giải thể công ty:

5.1. Tài sản của công ty bị giải thể là những tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng hợp pháp của công ty (không bao gồm tài sản giữ hộ, thuê, mượn).

5.2. Kể từ ngày quyết định giải thể công ty có hiệu lực: mọi khoản nợ chưa đến hạn được coi là đến hạn.

5.3. Chủ các khoản nợ có bảo đảm được nhận tài sản bảo đảm để xử lý theo quy định hiện hành. Nếu chủ nợ không nhận thì tài sản đó được đem bán đấu giá theo quy định hiện hành. Số tiền thu được từ

bán đấu giá tài sản bảo đảm sau khi trừ chi phí được dùng để trả ngay cho chủ nợ có bảo đảm (không bao gồm nợ lãi tính từ ngày có quyết định giải thể công ty); số thừa thuộc tài sản của công ty bị giải thể, số thiếu được coi là nợ không có bảo đảm và được xử lý như các khoản nợ không có bảo đảm khác.

Người bảo lãnh cho công ty vay nợ đã trả nợ thay cho công ty thì số nợ trả thay đó được coi là khoản nợ không có bảo đảm và được thanh toán như các khoản nợ không có bảo đảm khác.

5.4. Tài sản, vốn đem góp liên doanh, đầu tư ra ngoài công ty được thu hồi thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp hoặc cổ phần cho các đối tượng khác. Trường hợp hết thời hạn giải thể công ty nếu chưa chuyển nhượng được phần vốn góp liên doanh cho các đối tác khác thì người quyết định giải thể công ty chỉ định công ty khác thay thế sau khi đã thỏa thuận với đối tác liên doanh. Công ty được chỉ định hoặc người quyết định giải thể công ty phải thanh toán cho công ty giải thể phần vốn góp liên doanh này. Giá trị phần vốn góp liên doanh được xác định theo quy định tại điểm 1.5, khoản 1, Mục B, Phần II Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

## 6. Tổ chức xử lý tài sản:

6.1. Đối với tài sản đi thuê, tài sản mượn, tài sản giữ hộ: trong thời gian 30 ngày kể từ ngày đăng số báo đầu tiên về thông báo công ty chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện thủ tục giải thể, người có tài sản cho công ty bị giải thể thuê, mượn, gửi giữ hộ phải xuất trình các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc quản lý hợp pháp đối với tài sản đó để nhận lại tài sản. Nếu tài sản mà công ty bị giải thể đi thuê nhưng chưa hết thời hạn thuê và đã trả hết tiền thuê thì người cho thuê phải thanh toán lại phần tiền thừa theo thỏa thuận ghi trên hợp đồng trước khi nhận lại tài sản.

6.2. Đối với tài sản cho thuê, tài sản nhận giữ hộ, tài sản cho mượn: Ban thanh lý thực hiện thanh lý hợp đồng cho thuê tài sản và thu hồi tài sản cho thuê, cho mượn, gửi, giữ hộ...

6.3. Tài sản của công ty bị giải thể được bán đấu giá thông qua tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc do Ban thanh lý tổ chức thực hiện công khai theo đúng các quy định tại quy chế bán đấu giá tài sản hiện hành. Trường hợp nhiều người trong đó có chủ nợ của công ty bị giải thể cùng trả giá như nhau thì chủ nợ của công ty bị giải thể được ưu tiên mua tài sản đó. Khi có nhiều chủ nợ cùng muốn mua thì chủ nợ nào có tổng số nợ lớn hơn có quyền mua đầu tiên.

Việc bán tài sản liên quan đến quyền sử dụng đất phải tuân theo Luật Đất đai.



6.4. Số tiền còn lại sau khi đã chi trả hết các khoản nợ sẽ thuộc về Ngân sách Nhà nước. Trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc việc thanh toán cho các chủ nợ, Ban thanh lý phải có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền này vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

### **7. Quản lý, sử dụng tiền thu từ giải thể công ty:**

7.1. Chậm nhất sau 5 (năm) ngày kể từ ngày quyết định thành lập Ban Thanh lý có hiệu lực, Trưởng Ban thanh lý phải mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi công ty đóng trụ sở chính để gửi tiền thu được từ thanh lý, nhượng bán tài sản và thu hồi các khoản nợ của công ty giải thể. Tài khoản này do Trưởng Ban thanh lý làm chủ tài khoản.

7.2. Toàn bộ số tiền thu được từ việc giải thể công ty bao gồm: vốn bằng tiền, tiền thu được từ nhượng bán, thanh lý tài sản và thu hồi các khoản nợ của công ty giải thể phải gửi vào tài khoản của Ban thanh lý ngay trong ngày thu được tiền. Trường hợp hết giờ làm việc thì phải gửi ngay trong ngày làm việc tiếp sau. Người nào cố tình chậm trễ việc gửi tiền thì phải bồi thường theo lãi suất gửi tiết kiệm không kỳ hạn do Ngân hàng công bố và phải chịu kỷ luật hành chính theo quy định.

7.3. Thanh toán chi phí giải thể và thanh toán cho chủ nợ theo điểm 8 Mục V Thông tư này.

7.4. Số tiền còn lại nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

### **8. Thanh toán chi phí giải thể và các khoản nợ phải trả:**

8.1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc giải thể công ty sau khi thanh toán các khoản nợ có tài sản bảo đảm, xử lý theo trình tự sau:

a) Thanh toán các chi phí giải thể công ty, bao gồm:

+ Chi phí gắn liền với việc thanh lý các hợp đồng kinh tế, chi phí cho việc thu hồi, vận chuyển, bảo quản, giữ gìn tài sản của công ty bị giải thể;

+ Chi phí liên quan tới việc tổ chức bán đấu giá tài sản;

+ Chi phí cho sắp xếp, lưu trữ và bảo quản tài liệu của công ty bị giải thể và các chi phí khác liên quan đến việc thực hiện giải thể công ty. Các khoản chi này thanh toán theo thực chi do Trưởng Ban thanh lý duyệt. Trưởng Ban thanh lý chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

+ Tiền lương cho cán bộ, công nhân viên trong công ty bị giải thể được huy động tham gia vào Ban thanh lý giải thể và các tổ giúp việc.

Các khoản chi phải có đầy đủ chứng từ theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

b) Thanh toán các khoản nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác

theo chế độ cho người lao động tại công ty bị giải thể theo hợp đồng hoặc thỏa ước lao động tập thể và chế độ hiện hành.

Chế độ và nguồn kinh phí trợ cấp lao động trong công ty giải thể thực hiện theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ, Nghị định số 155/2004/NĐ-CP ngày 10/8/2004 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước và các văn bản khác hiện hành.

c) Số tiền còn lại sau khi thanh toán 2 khoản trên sẽ được thanh toán cho các chủ nợ không có bảo đảm (không bao gồm nợ lãi tính từ thời điểm có quyết định giải thể công ty). Việc thanh toán cho các chủ nợ có thể thực hiện nhiều lần, số tiền mỗi lần thanh toán cho các chủ nợ dựa trên cơ sở tỷ lệ giữa tổng số tiền chi trả của từng đợt so với tổng số nợ chưa thanh toán. Ban thanh lý được quyền ưu tiên thanh toán cho các món nợ nhỏ không theo tỷ lệ nói trên và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Ví dụ: Số tiền thu được từ tài sản của công ty bị giải thể đợt I là 5.000 triệu đồng. Các khoản nợ của công ty bao gồm: nợ không có bảo đảm là 5.000 triệu đồng, chi phí giải thể và nợ lương, BHXH là 1.000 triệu đồng.

Số tiền còn lại để thanh toán cho chủ nợ không có bảo đảm là: 5.000 triệu - 1.000 triệu = 4.000 triệu đồng.

Tỷ lệ giữa tổng số tiền thanh toán đợt này cho số nợ không có bảo đảm là: 4.000 triệu đồng/5.000 triệu đồng = 0,8 (80%)

Việc thanh toán cho các chủ nợ được thực hiện như sau:

Chủ nợ A có số nợ là 800 triệu đồng được thanh toán:  $80\% \times 800 \text{ triệu} = 640 \text{ triệu đồng}$ .

Chủ nợ B có số nợ là 1.500 triệu đồng được thanh toán:  $80\% \times 1.500 \text{ triệu} = 1.200 \text{ triệu đồng}$ .

...

Số tiền thu được từ các đợt tiếp theo sẽ được lần lượt chi trả hết như trên.

Đối với chủ nợ có tài khoản tại Ngân hàng hay Kho bạc Nhà nước, trưởng Ban thanh lý làm thủ tục chuyển tiền thanh toán nợ vào tài khoản của chủ nợ. Nếu không có tài khoản, Trưởng Ban thanh lý thông báo cho chủ nợ đến nhận trực tiếp hoặc chuyển qua bưu điện cho chủ nợ. Phí gửi bưu điện được tính vào chi phí giải thể công ty.

d) Các khoản nợ thuế và nợ ngân sách khác.

8.2. Trường hợp số tiền thu được từ việc giải thể công ty không đủ thanh toán chi phí giải thể và các khoản nợ phải trả thì người quyết định giải thể công ty thông báo với các chủ nợ và các cơ quan có liên quan về việc công ty đã mất khả

năng thanh toán và thực hiện các thủ tục phá sản công ty.

### 9. Kết thúc giải thể công ty:

9.1. Hết thời hạn giải thể công ty, nếu còn vấn đề tồn tại thì Ban thanh lý báo cáo Hội đồng giải thể để trình người quyết định giải thể công ty xem xét, giải quyết.

9.2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, sau khi kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể phải lập báo cáo tài chính về giải thể công ty trình người quyết định giải thể công ty; nộp lại con dấu của công ty bị giải thể cho cơ quan Công an và Giấy đăng ký kinh doanh của công ty bị giải thể cho Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, nơi công ty đã đăng ký kinh doanh; đăng trên 1 tờ báo của Trung ương và báo địa phương trong 03 số liên tiếp về việc kết thúc giải thể công ty.

9.3. Sau khi kết thúc quá trình giải thể của công ty, toàn bộ hồ sơ, sổ kế toán của công ty bị giải thể, sổ sách liên quan đến quá trình giải thể công ty phải được lưu trữ tại cơ quan quyết định thành lập

công ty theo đúng các quy định về lưu trữ tài liệu.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 130/1998/TT-BTC ngày 30/9/1998 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc bàn giao, tiếp nhận và xử lý các tồn tại về tài chính của doanh nghiệp nhà nước khi sáp nhập, hợp nhất và Thông tư số 66/2002/TT-BTC ngày 06/8/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục, xử lý tài chính khi giải thể doanh nghiệp nhà nước. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều không có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, khó khăn đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thủ trưởng*

**Lê Thị Băng Tâm**

## PHỤ LỤC PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ CÔNG TY

*(ban hành kèm theo Thông tư số 38/2005/TT-BTC ngày 18/5/2005 của Bộ Tài chính về hướng dẫn trình tự, thủ tục, xử lý tài chính khi thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ty nhà nước).*

### I. Phương án xử lý các hợp đồng kinh tế:

Tổng số các hợp đồng kinh tế công ty đang thực hiện tại thời điểm giải thể. Trong đó, xác định rõ hợp đồng kinh tế thanh lý ngay và hợp đồng kinh tế có thể tiếp tục thực hiện trong thời hạn tiến hành giải thể công ty.

1. Hợp đồng kinh tế thanh lý ngay: nêu rõ tổng số thu, hoặc chi phí cho việc thanh lý hợp đồng (nếu có).

2. Hợp đồng kinh tế có thể tiếp tục thực hiện, cần giải trình rõ các nội dung sau:

+ Tổng giá trị hợp đồng.

+ Giải trình phương án tiếp tục hoàn thành hợp đồng: mức độ công việc đã hoàn thành, thời gian hoàn thành hợp đồng, chi phí cho việc hoàn thành hợp đồng, phương án tổ chức sản xuất không ảnh hưởng đến tiến độ thanh lý công ty (bao gồm cả việc tiêu thụ sản phẩm, thu tiền...), số tiền thu được sau khi hoàn thành hợp đồng...

### II. Phương án xử lý tài sản của công ty giải thể:

1. Đối với tài sản hiện vật:

+ Kiểm kê, phân loại tài sản hiện có thuộc sở hữu của công ty và xác định giá trị thị trường của các tài sản đó.

+ Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản.

+ Phương án xử lý tài sản gắn với quyền sử dụng đất.

+ Phương án xử lý các tài sản được dùng làm vật đảm bảo, thế chấp.

2. Đối với các khoản nợ phải thu:

+ Tổng số nợ phải thu. Trong đó, chia ra nợ có tài sản bảo đảm, nợ đến hạn, nợ chưa đến hạn, nợ có khả năng thu hồi, nợ không có khả năng thu hồi.

+ Biện pháp thu hồi nợ, thời gian dự kiến cho việc thu hồi nợ.

### III. Phương án xử lý tài sản liên doanh, các khoản đầu tư ra ngoài công ty (nếu có).

- Hình thức chuyển nhượng

- Giá trị chuyển nhượng dự kiến...

### IV. Phương án tài chính:

#### A. Số tiền dự kiến thu được từ việc giải thể công ty, bao gồm:

1. Tiền mặt, số dư tại các tài khoản tiền gửi (tiền Việt Nam và ngoại tệ), trị

01884108

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

giá vàng, bạc, đá quý và trị giá toàn bộ giấy tờ có khả năng thanh toán của công ty.

2. Tiền thu được do nhượng bán, thanh lý tài sản (bao gồm cả tài sản được dùng làm vật đảm bảo, thế chấp).

3. Khoản thu từ chuyển nhượng phần vốn góp liên doanh, đầu tư ra ngoài công ty.

4. Số tiền thu hồi từ các khoản nợ phải thu.

5. Các khoản thu khác.

### **B. Số tiền dự kiến chi cho giải thể công ty:**

1. Chi trả các khoản nợ có đảm bảo.

2. Chi phí giải thể công ty

3. Chi thanh toán cho người lao động bao gồm: chi các khoản nợ lương, nợ BHXH...

4. Chi trả các khoản nợ không có đảm bảo của công ty. Trong đó các khoản nợ nhỏ có thể thanh toán 1 lần mức lớn nhất và tổng số tiền các khoản nợ này.

5. Chi trả các khoản nợ thuế và nợ Ngân sách khác.

6. Dự kiến các đợt thanh toán cho các chủ nợ.

### **C. Chênh lệch thu - chi (A - B)**

### **V. Phương án xử lý lao động:**

1. Danh sách lao động thường xuyên của công ty tại thời điểm giải thể.

2. Phương án bố trí việc làm cho lao động của công ty sau khi giải thể:

+ Lao động chuyển công tác sang công ty khác,

+ Lao động nghỉ việc theo chế độ,

...

3. Danh sách lao động công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc theo quy định hiện hành; tiền trợ cấp thôi việc, mất việc công ty phải trả cho từng lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **VI. Kiến nghị**